

Số: /GPMT-UBND

TP. Kon Tum, ngày tháng năm

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Năng lượng DIC tại Văn bản số 04/CV-CT ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng; Văn bản số 06/CV-CTY ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc chỉnh sửa các nội dung sau thẩm định cấp giấy phép môi trường Dự án Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 345/TTr-TNMT ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án/cơ sở: “Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng” của Công ty TNHH Năng lượng DIC.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Năng lượng DIC (địa chỉ trụ sở chính: Lô B2, KCN Hòa Bình, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên. Mã số doanh nghiệp: 6101179393; Đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 8 năm 2014

do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

1.4. Mã số thuế: 6101179393.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất viên nén năng lượng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Quy mô diện tích: 26826 m<sup>2</sup> (*Diện tích đã được sở TNMT cấp GCNQSDĐ số BX 734021 ngày 06/12/2015*).

- Quy mô hoạt động: 36.000 tấn/năm.

- Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng có tổng mức đầu tư: 33.000.000.000 đồng (*Ba mươi ba tỷ Việt Nam đồng*), thuộc danh mục dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, được quy định tại Mục II.2 Phụ lục V Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

*(Có các Phụ lục 1,2,3,4 kèm theo)*

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Năng lượng DIC.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Năng lượng DIC có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*kể từ ngày cấp Giấy phép*).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH Năng lượng DIC;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Phòng TN&MT thành phố;
- UBND Phường Lê Lợi;
- Trang thông tin điện tử thành phố (đăng tải);
- Đ/c CVP, đ/c Bình – PCVP;
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Hùng**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng ... năm ..... của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

- *Nguồn phát sinh đề nghị cấp phép:* Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên và công nhân nhà máy.
- *Lưu lượng phát thải tối đa đề nghị cấp phép:* 2,9 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- *Dòng nước thải đề nghị cấp phép:* 01 dòng tại khu vực nhà vệ sinh.
- *Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép:* Tổng Nitơ, Tổng Photpho; BOD<sub>5</sub>; dầu mỡ động, thực vật; Coliform; Tổng chất rắn lơ lửng.
- *Giá trị giới hạn:* Của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải theo QCVN 14:2008/BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể tại bảng sau:

*Bảng 1.1. Giá trị các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt*

TT	Thông số	QCVN 14: 2008/BTNMT	
		Đơn vị	Giá trị
1	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
3	Nitrat (NO <sub>3</sub> ) (tính theo N)	mg/l	50
4	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
5	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sub>3-</sub> ) (tính theo P)	mg/l	10
6	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
- + *Vị trí:* Lô B2, KCN Hòa Bình, phường Lê Lợi, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Tọa độ địa lý: X= 1584372; Y= 0552361
- + *Phương thức xả thải:* Tự chảy, xả mặt và xả ngầm qua đường ống nhựa PVC.
- + *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Thấm đất.

##### 2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất:

- *Nguồn phát sinh đề nghị cấp phép:* Từ hoạt động sản xuất của nhà máy.
- *Lưu lượng phát thải tối đa đề nghị cấp phép:* 1,1 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- *Dòng nước thải đề nghị cấp phép*: 01 dòng tại khu vực hồ thu trước khi đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình.

- *Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép*: Tổng Nitơ, Tổng Photpho; BOD<sub>5</sub>, dầu mỡ động, thực vật; Coliform; Tổng chất rắn lơ lửng.

- *Giá trị giới hạn*: Theo QCVN 40:2011/BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

*Bảng 1.2. Giá trị các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sản xuất*

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C
			Cột A
1	Màu	Pt/Co	50
2	pH	-	6 đến 9
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	30
4	COD	mg/l	75
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	05
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	04

(Nguồn: QCVN 40:2011/BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ TN&MT)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ *Vị trí xả thải*: Tại hồ đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN. Tọa độ: X=14.19.37.051; Y=107.598.694;

+ *Phương thức xả thải*: Tự chảy, xả mặt;

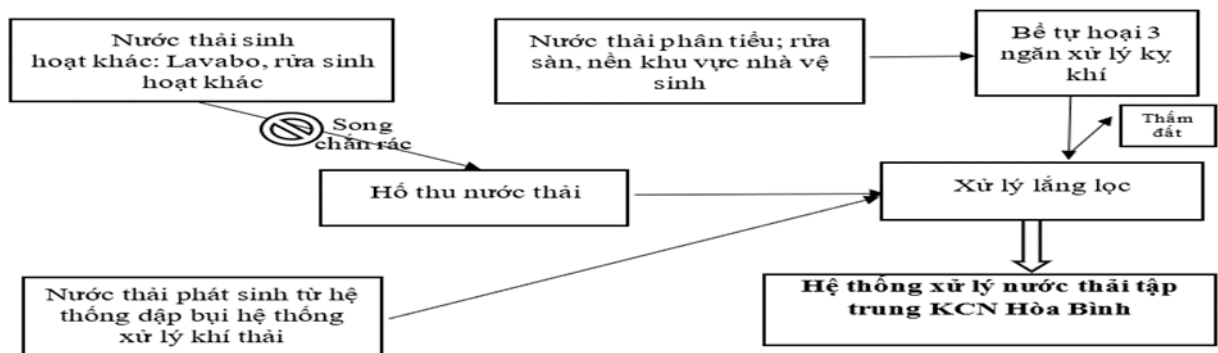
+ *Nguồn tiếp nhận nước thải*: Đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình sau khi đã xử lý sơ bộ.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

Nước thải tại cơ sở được thu gom theo sơ đồ sau:



### *Thuyết minh quy trình thu gom:*

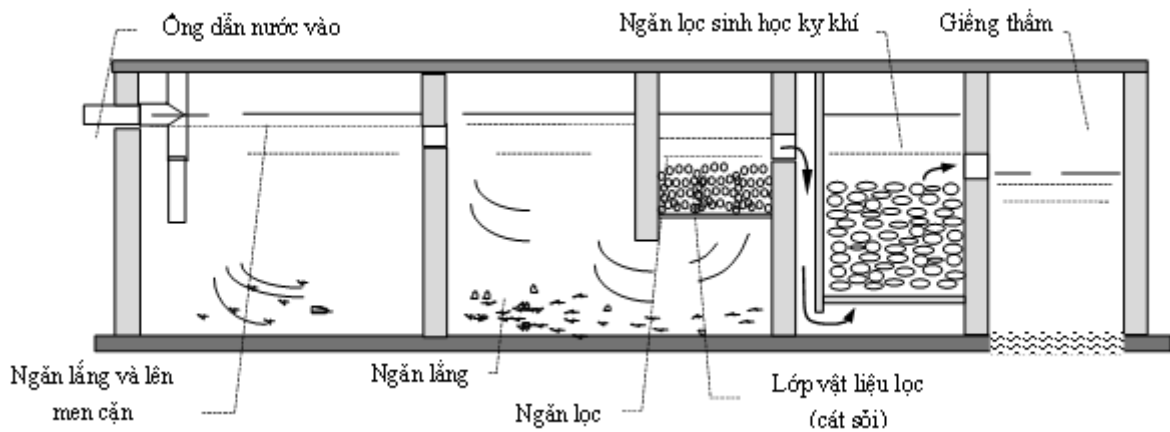
- Nước thải từ các thiết bị: Lavabo, tắm rửa; nước lau rửa sàn và rửa các thiết bị sinh hoạt khác được thu gom bằng đường ống PVC về hố thu nước thải sau đó cho xử lý bằng lắng lọc trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.
- Nước thải phân tiêu; rửa sàn, nền khu vực nhà vệ sinh sẽ chảy theo đường ống về hệ thống bể tự hoại 3 ngăn xây dựng ngầm.
- Nước thải phát sinh từ hệ thống dập bụi hệ thống xử lý khí thải: Được thu gom và đấu nối với nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình.
- Nước thải từ các thiết bị: Được thu gom vào đường ống thoát nước riêng và xả ra rãnh thoát nước xung quanh nhà và đưa vào hố lắng trước khi thải ra môi trường.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

#### 1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn sẽ được dẫn bằng đường ống uPVC dẫn vào giếng thấm và thấm vào đất.

*Hình 1. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt*



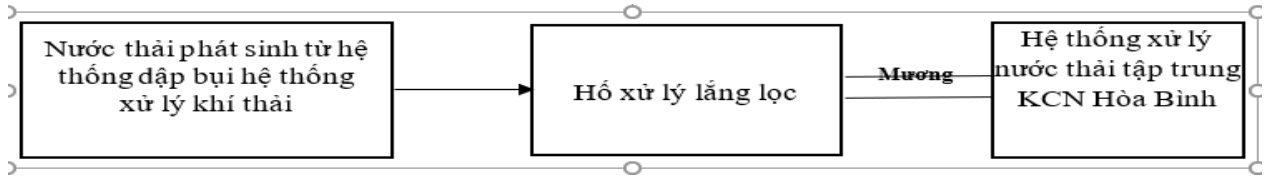
#### - Quy trình công nghệ:

- + Ngăn đầu tiên: Nước thải sau khi chảy qua song chắn rác sẽ chảy qua ngăn đầu tiên. Ngăn này có chức năng tách cặn khỏi nước thải, cặn lắng ở dưới đáy bể được hút ra theo định kỳ để đi xử lý.
- + Ngăn thứ hai: Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy từ ngăn đầu tiên chảy qua, ở ngăn này cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước.
- + Ngăn thứ ba: Lắng toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải. Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý bể tự hoại được thải ra môi trường ngầm vào đất.

Bùn trong bể tự hoại sẽ thuê các đơn vị có đủ chức năng hút ra định kỳ và được các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

#### 1.2.2. Nước thải sản xuất:

Lượng nước thải sản xuất phát sinh được xử lý theo sơ đồ sau:



Hình 3.4. Quy trình xử lý nước thải sản xuất

*Thuyết minh quy trình:*

- Nước thải phát sinh từ hệ thống đập bụi hệ thống xử lý khí thải: Được thu gom xử lý lắng lọc sau đó đầu nối với nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình theo hợp đồng thu gom với Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế.
- Lượng cặn, bụi gỗ phát sinh tại khu vực xử lý đập bụi khi số lượng lớn được vớt ra và đưa vào quy trình sản xuất viên nén.

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:** Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Bình.
- Nước thải sau xử lý phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hoặc yêu cầu về bảo vệ môi trường theo từng loại nước thải trước khi xả ra môi trường.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. **Nguồn phát sinh khí thải:** 01 nguồn từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt.
2. **Dòng khí thải:** 01 dòng tại hệ thống ống khói.
3. **Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm**

Phải nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cụ thể:

Bảng 2.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm khí thải

STT	Thông số	Đơn vị đo	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B	C <sub>max</sub> (K <sub>p</sub> =1, K <sub>v</sub> =1)
1	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 200	≤ 200
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 500	≤ 500
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 850	≤ 850
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 1.000	≤ 1.000

#### 4. Vị trí, phương thức xả khí thải

- Vị trí xả thải: Từ ống khói. Tọa độ: X=14.19.34.911; Y=107.5911.032
- Phương thức xả thải: Xả gián đoạn (khi cơ sở hoạt động).

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

a. Bụi phát sinh của dây chuyền sản xuất viên nén gỗ

Lắp đặt hệ thống hút bụi và đưa vào kho chứa bột cưa và qua túi lọc bụi, bột cưa giữ lại và khí ôxy qua lọc thoát ra ngoài. Việc sử dụng phương pháp xử lý tách bụi kiểu quán tính mà thiết bị được sử dụng ở đây là thiết bị Xyclon kết hợp với lọc bụi tay áo, đây là thiết bị có cấu tạo đơn giản nhưng hiệu quả cao. Đảm bảo sẽ giảm tối đa mức độ ô nhiễm do bụi bột cưa, xẻ gỗ và bụi từ nghiền nhỏ bột viên nén gây ra.

b. Khí thải phát sinh từ lò đốt của nhà máy

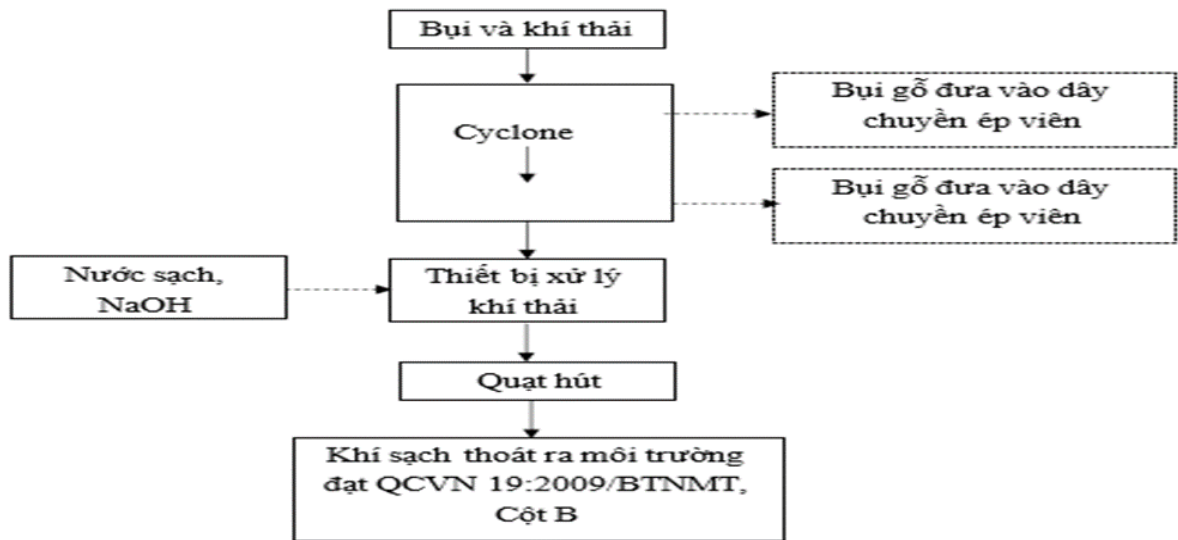
Hỗn hợp khí, bụi và nguyên liệu sau khi đi qua thùng sấy sẽ được dẫn vào hệ thống Cyclone. Cyclone đóng vai trò vừa là công trình dùng để loại bỏ bụi trong khí thải vừa là nơi thu lại nguyên liệu sau khi sấy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:



a. Bụi phát sinh của dây chuyền sản xuất viên nén gỗ

Quy trình hệ thống xử lý bụi tập trung tại cơ sở như sau:



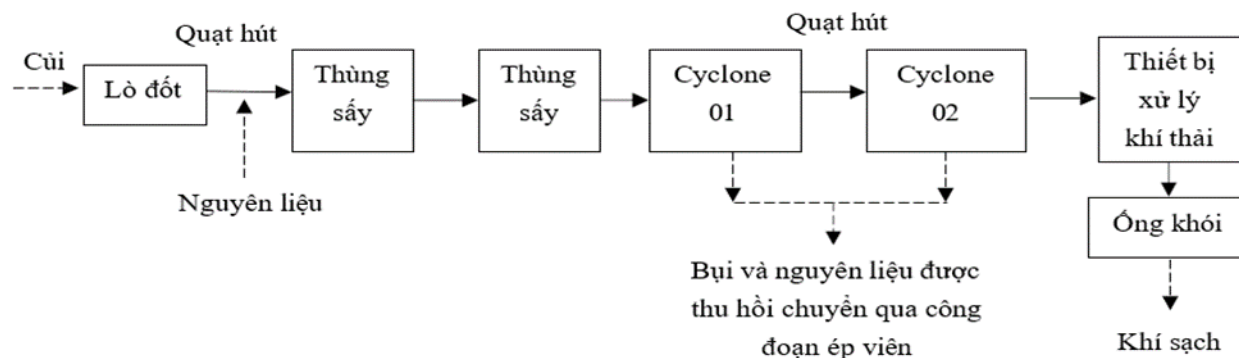
Hình 2.1. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi

\* *Thuyết minh quy trình*

Bụi được thu gom ngay tại vị trí phát sinh thông qua các chụp hút bố trí trên các máy công cụ. Các chụp hút được nối với hệ thống ống dẫn, dưới tác dụng của lực hút ly tâm bụi theo hệ thống đường ống dẫn vào Xyclon. Hạt bụi trong dòng không khí chuyển động chảy xoáy sẽ bị cuốn theo dòng khí vào chuyển động xoáy. Lực ly tâm gây tác động làm hạt bụi sẽ rời xa tâm quay và tiến về vỏ ngoài Xyclon. Đồng thời, hạt bụi sẽ chịu tác động của sức cản không khí theo chiều ngược với hướng chuyển động, kết quả là hạt bụi dịch chuyển dần về vỏ ngoài của Xyclon, va chạm với nó, sẽ mất năng lượng và rơi xuống phễu, lượng bụi tinh còn lại sẽ theo dòng khí qua thiết bị lọc túi vải. Không khí lẫn bụi đi qua tấm vải lọc, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải sẽ giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây, các hạt nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện, dần dần lớp bụi thu được dày lên tạo thành lớp màng trợ lọc, lớp màng này giữ được tất cả các hạt bụi có kích thước rất nhỏ. Hiệu quả lọc đạt tới 99,8% và lọc được tất cả các hạt rất nhỏ nhờ có lớp trợ lọc. Sau một khoảng thời gian lớp bụi sẽ rất dày làm sức cản của màng quá lớn, ta phải ngưng cho khí thải đi qua và tiến hành loại bỏ lớp bụi bám trên mặt vải. Thao tác này được gọi là hoàn nguyên khả năng lọc. Khí sau khi qua thiết bị lọc túi vải được dẫn ra ống thải và thoát ra ngoài không khí.

b. Khí thải phát sinh từ lò đốt của nhà máy:

Công ty sử dụng củi để làm nguyên liệu cung cấp cho lò đốt. Xử lý khí thải lò đốt theo quy trình sau:



Hình 2.2. Quy trình xử lý bụi và khí thải lò đốt

*Thuyết minh quy trình:*

Khí nóng từ lò đốt được truyền vào thùng sấy do chênh lệch áp suất và nhiệt độ, bụi tro được giữ lại bằng thiết bị màng lọc. Lượng tro xỉ này sẽ được công nhân thu gom hàng ngày và lưu chứa trong kho chứa chất thải rắn thông thường, sau đó cho các hộ dân sử dụng làm phân bón hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

Hỗn hợp khí, bụi và nguyên liệu sau khi đi qua thùng sấy sẽ được dẫn vào hệ thống Cyclone, dòng khí đi vào Cyclone theo phương tiếp tuyến từ phía trên của Cyclone dưới tác dụng của lực ly tâm và trọng lực, các hạt bụi và nguyên liệu sẽ va chạm vào thân thiết bị, mất quán tính và rơi xuống đáy Cyclone. Cyclone đóng vai trò vừa là công trình dùng để loại bỏ bụi trong khí thải vừa là nơi thu lại nguyên liệu sau khi sấy.

Dòng khí sau khi qua Cyclone, bụi gỗ rơi xuống phễu chứa do tác dụng của lực hút ly tâm.

Lượng bụi gỗ tại Cyclone sau khi rơi xuống sẽ được đưa qua công đoạn ép viên, hơi nóng thoát ra ngoài qua ống thoát hơi. Dòng khí thải sau khi qua Cyclone thu hồi bụi sẽ đến thiết bị xử lý khí thải, thiết bị xử lý khí thải gồm có bể xử lý hấp thụ bằng nước sạch.

Thiết bị xử lý khí thải được gia công thiết kế bằng vật liệu thép SS400, sơn chống ăn mòn.

\* Ngoài ra, để giảm thiểu tác hại của các khí thải này, chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- Lắp đặt hệ thống lò đốt có ống khói cao đạt tiêu chuẩn (20m) và cung cấp nhiệt độ cao để đốt cháy hết lượng CO. Lắp đặt hệ thống phun nước cưỡng bức vào dòng khói thải để ngăn bụi và hạn chế ảnh hưởng của các khí thải.

- Thực hiện nghiêm túc quy trình vận hành lò đốt.

- Kiểm tra lưu lượng khí cấp cho quá trình đốt (*cung cấp lượng khí thổi vừa đủ để cháy nguyên liệu, tránh làm nguội lò và bay tro vào khí thải*).

- Đảm bảo quy trình vận hành.

- Nhiên liệu đốt phải là củi khô, nhỏ, ít độ ẩm... Hạn chế việc đưa củi bị ướt vào lò vì trong quá trình cháy, lượng nước trong củi bay hơi sẽ làm nguội bề mặt cháy, gây cản trở việc bay hơi chất bốc trong củi, làm bùng đốt phát sinh nhiều khói.

- Khu vực nhà xưởng sản xuất đã được bố trí thành các phụ vực chuyên biệt cho từng công đoạn một cách hợp lý, vệ sinh sạch sẽ thường xuyên để giảm thiểu phát tán bụi.

- Trồng thêm cây xanh có tán, thảm cỏ trong khuôn viên nhà máy nhằm giảm phát tán bụi, điều hòa các yếu tố vi khí hậu.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện ra sự cố;

- Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời như quạt hút, đường ống, van, bơm,...

- Đào tạo kiến thức cho nhân viên phụ trách;

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy móc thiết bị để sửa chữa và thay mới các chi tiết bị hư hỏng.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-UBND ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

1. *Nguồn phát sinh chính:* 01 nguồn từ hệ thống bơm gổ tại khu vực nhà xưởng.

2. *Giá trị giới hạn:* Theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN số 26:2010/BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

*Bảng 3.1. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (theo mức âm tương đương)*

TT	Khu vực	QCVN 26:2010/BTNMT	
		Từ 06 giờ đến 21 giờ, dBA	Từ 21 giờ đến 06 giờ, dBA
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

#### **Trong đó:**

- *Khu vực đặc biệt:* Là những khu vực trong hàng rào của các cơ sở y tế, thư viện, nhà trẻ, trường học, nhà thờ, đình, chùa và các khu vực có quy định đặc biệt khác;

- *Khu vực thông thường:* Là những khu chung cư, các nhà ở riêng lẻ nằm cách biệt hoặc liền kề, khách sạn, nhà nghỉ, cơ quan hành chính.

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Xây dựng nhà kho, nhà xưởng sản xuất kiên cố, khép kín với tường bao quanh khu vực dự án cao từ 3m để giảm thiểu tiếng ồn;

- Các loại máy nghiền, máy sắn, máy băm được cân chỉnh và cố định bằng các bộ móng hạn chế rung động.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy để hạn chế tiếng ồn phát sinh;

- Bảo trì, kiểm định các phương tiện vận chuyển thường xuyên;

- Bốc dỡ nguyên vật liệu và thành phẩm nhẹ nhàng, không để phát sinh tiếng ồn lớn;

- Hạn chế tối đa việc xuất nhập nguyên vật liệu và thành phẩm vào các giờ nghỉ của dân (từ 11h - 13h trưa và từ 18h - 6h sáng hôm sau);

- Sắp xếp hợp lý trong việc xuất nhập nguyên vật liệu và thành phẩm để không gây tiếng ồn lớn trong khu vực;

- Các phương tiện ra vào nhà máy phải tắt máy trong quá trình xuất nhập nguyên vật liệu và thành phẩm.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí cuối hướng gió, phương tiện vận chuyển không chở quá trọng tải của xe, che đậy cẩn thận, hạn chế rơi vãi dọc đường, thường xuyên tưới nước để giảm thiểu bụi, khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý để tránh ùn tắc giao thông và ảnh hưởng lối đi lại của người dân.

## Phụ lục 4

# YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng .... năm.....  
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

- Khối lượng: 34 kg/năm.

- Chủng loại: Bóng đèn huỳnh quang; Dầu nhớt thải; Giẻ lau nhiễm dầu; Vỏ hộp đựng nhớt thải loại; Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; Các loại khác

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng: 1565 kg/tháng

- Chủng loại: Các loại CTR có thể tái chế như giấy, carton, sắt thép phát sinh từ quá trình sửa chữa máy móc thiết bị...;Tro thải phát sinh trong quá trình đốt; Bao bì đựng viên nén hồng, rách; thiết bị phụ tùng máy móc hồng bỏ; Các loại khác.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: 29,6 kg/ngày.

- Chủng loại: Rác sinh hoạt gồm chất thải hữu cơ dễ phân hủy như: Thức ăn thừa, vỏ trái cây,... và các chất vô cơ như: Hộp đựng thức ăn, bao bì, giấy ăn, lon, chai đựng nước giải khát,... Rác sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

#### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

##### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng để lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn trên mỗi thùng để phân biệt từng loại chất thải.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Số lượng: 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại.

- Diện tích và vị trí: Diện tích 25 m<sup>2</sup>. Tọa độ kho: X = 14.19.37.233; Y = 107.59.10.089.

- Quy cách:

+ Kho đặt trong khu vực nhà xưởng đã có mái che, bên ngoài có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại, bên trong phân thành các ô phân loại chất thải theo tính chất hóa lý của chúng để bảo vệ tốt môi trường.

+ Mặt sàn trong khu vực kho bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

+ Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

+ Có biện pháp cách ly với các loại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.

- Chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực nhà máy được đơn vị thu gom, phân loại và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại của nhà máy và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định khi lượng chất thải phát sinh nhiều.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí các thùng nhựa PVC với dung tích phù hợp và các bao PP chống thấm trong khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường tập trung trong khu vực nhà xưởng.

- Chất thải rắn là nguyên liệu sản xuất phát sinh từ khâu băm, nghiền; phế phẩm gỗ vụn, đầu mẩu, mùn cưa ... bị thất thoát trong quá trình sản xuất được thu gom hằng ngày và tận dụng làm nguyên liệu cho sản xuất viên nén hoặc làm nguyên liệu để sử dụng cho lò sấy.

- Tro thải là chất thải không chứa các chất nguy hại do nhiên liệu sử dụng là củi và được Công ty thu gom cho vào các bao lớn bịt kín miệng (*bao 50kg*), xếp gọn gàng tại khu vực lưu trữ CTR công nghiệp thông thường sau đó cho các hộ dân tại địa phương sử dụng làm phân bón.

- Chất thải rắn là nguyên liệu sản xuất phát sinh từ khâu băm, nghiền và thất thoát trong quá trình sản xuất được thu gom hằng ngày và tận dụng làm nguyên liệu cho sản xuất viên nén.

- Các loại CTR có thể tái chế như giấy, carton, sắt thép phát sinh từ quá trình sửa chữa máy móc thiết bị... sẽ được thu gom lưu trữ vào khu vực chứa CTR công nghiệp thông thường trong xưởng và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Ngoài ra còn có các CTR khác như: Bao bì đựng viên nén hỏng, rách; thiết bị phụ tùng máy móc hỏng bỏ; ... Đây là loại chất thải có thể tận dụng tái sử dụng cho các hoạt động khác và không gây ô nhiễm môi trường, cụ thể cơ sở sẽ bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

### 2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt;

Bố trí các thùng rác dọc đường nội bộ; tại mỗi khu vực văn phòng bố trí 01 thùng rác dung tích 20 lít tại mỗi khu vực, sau đó đưa về khu vực lưu giữ để vận

chuyên, xử lý theo đúng quy định.

- Ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị Kon Tum để thu gom rác thải sinh hoạt.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố hệ thống thu gom, xử lý khí thải;

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố;

- Thực hiện các biện pháp về an toàn lao động;

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố lò đốt và hệ thống xử lý khí thải lò đốt.

---